

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 3 - 2022

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân:

1, Ông Trương Xuân Vũ;

2, Ông Hoàng Ngọc Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 228/2021/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 03 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/TB-TA ngày 09 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trịnh Văn T**, sinh năm 1988

Trú tại: Thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Y; Có mặt.

2. Bị đơn: chị **Triệu Thị L**, sinh năm 1991

Trú tại: Thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Y; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 11 năm 2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Trịnh Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2010 anh T và chị Triệu Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Lục Yên tỉnh Yên Bái ngày 21 tháng 5 năm 2010. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con chung và phát triển kinh tế gia đình. Anh T và chị L hiện tại sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Triệu Thị L.

Về con chung: Anh T và chị L có hai con chung con lớn Trịnh Thanh Trúc, sinh ngày 28-10-2009; con nhỏ Trịnh Hồng Thuyên, sinh ngày 22-9-2011 con chung hiện đang ở với anh T, khi ly hôn anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tiến hành phiên hoà giải nhiều lần, nhưng chị L không có mặt, Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được. Tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến đối với Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng, nguyên đơn có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, chị L vắng mặt chưa hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ kiện.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T được ly hôn với chị L. Về con chung, căn cứ điều kiện về chỗ ở, thu nhập yêu cầu của anh T nguyện vọng của con chung. Giao cho anh T là người trực tiếp nuôi con chung, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án xác định mối quan hệ pháp luật vụ án ly hôn, theo đơn khởi kiện của anh Trịnh Văn L, do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Y. Căn cứ quan hệ pháp luật và thẩm quyền theo lãnh thổ, được quy định tại

khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do chị L được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý do.

[2] Đối với quan hệ hôn nhân: anh Trịnh Văn T và chị Triệu Thị L kết hôn năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M huyện L tỉnh Y. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong vụ án này qua lời khai của các đương sự, do quan điểm sống không phù hợp mỗi người một tính cách, chị L đi làm ăn xa ít quan tâm đến chồng con. Do đó anh T và chị L đã sống ly thân.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Trên thực tế vợ chồng anh T, chị L thường xảy ra mâu thuẫn, chị L hiện làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh, thỉnh thoảng có gọi điện hỏi thăm sức khỏe cũng như việc học tập của con chung, dịp tết âm lịch có về nhà vài ngày rồi lại đi làm ăn xa. Vợ chồng đã sống ly thân là đúng thực tế, căn cứ biên bản xác minh ngày 24-02-2022 tại Thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Y.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử, xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Văn T được ly hôn với chị Triệu Thị L.

[3] Về con chung: Anh T và chị L có hai con chung, con lớn Trịnh Thanh Trúc, sinh ngày 28-10-2009; con nhỏ Trinh Hồng Thuyên, sinh ngày 22-9-2011 con chung hiện đang ở với anh T, khi ly hôn anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ thu nhập hiện tại anh T làm nghề tự do thu nhập trung bình hằng tháng khoảng 6.000.000,đ (Sáu triệu) đồng, điều kiện chỗ ở ổn định, anh T có yêu cầu được nuôi con chung, là phù hợp với nguyện vọng của con chung, các quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T được nuôi con chung. Do anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung vụ án, phù hợp với các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: anh Trịnh Văn T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Văn T được ly hôn với chị Triệu Thị L.

2. Về con chung: Anh Trịnh Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung lớn nhất Trịnh Thanh Trúc, sinh ngày 28-10-2009; con nhỏ Trịnh Hồng Thuyên, sinh ngày 22-9-2011 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trịnh Văn T phải nộp 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai số: AA/2021/0002102 ngày 29-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đỗ Quỳnh

